TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **397**/2018/HSPT
Ngày 09 - 7 - 2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Mai Văn Quang

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Hà

Ông Vũ Quang Huy

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà*:**

Bà Nguyễn Mai Chi - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 337 /2018/HSPT ngày 23 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Đỗ Văn Th và Vũ Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 84/2018/HSST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đỗ Văn Th sinh năm 1976; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú tổ 10 phường Th, quận H, Thành Phố Hà Nội; chỗ ở tổ 10 phường Th, quận H, Thành Phố Hà Nội; nghề nghiệp Phó giám đốc Công ty TNHH Phát triển TH mại và Dịch vụ quốc tế Minh Ngọc; trình độ văn hóa 2/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Đỗ Văn S và bà Phạm Thị S; có vợ là Trần Thị Mỹ L; tiền án, tiền sự không; bị cáo bắt tạm giam ngày 30/10/2017 đến ngày

29/11/2017 được hủy bỏ tạm giam; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Thị H sinh năm 1972; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú P314 Nơ 23 Khu đô thị Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường H, quận H, thành Phố Hà Nội; chỗ ở số nhà 99, ngõ Hòa Bình 7, phường M, quận HB, thành Phố Hà Nội; nghề nghiệp Giám đốc Công ty TNHH Phát triển TH mại và Dịch vụ quốc tế Minh Ngọc; trình độ văn hóa 12/12; quốc tịch Việt Nam; dân tộc Kinh; tôn giáo không; con ông Vũ Như Y và bà Nguyễn Thị Q; có chồng là Mai Thế Ph (đã ly hôn); tiền án, tiền sự không; Bị cáo bắt tạm giam ngày 02/11/2017 đến ngày 29/11/2017 được hủy bỏ tạm giam; Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa).

Luật sư bào chữa cho các bị cáo: Ông Triệu Trung D – Luật sư Công ty luật TNHH một thành viên TDG thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – có mặt.

Người bị hại không kháng cáo nên Tòa án không triệu tập:

+ *Ông Nguyễn Viết C sinh, năm 1950;* địa chỉ xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Văn Kh sinh năm 1975*; địa chỉ Thôn Kh, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Văn Th sinh năm 1984;* địa chỉ Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1997;* địa chỉ Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980;* địa chỉ Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Hồ Trung Th, sinh năm 1980;* địa chỉ Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Tiến Q sinh năm 1996;* địa chỉ Thôn Q, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Quốc C sinh năm 1983;* địa chỉ Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Văn Đ sinh năm 1982;* địa chỉ Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Trọng H sinh năm 1985;* địa chỉ Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

+ *Ông Nguyễn Tiến L sinh năm 1972;* địa chỉ Thôn N xã Q, Thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận H và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân quận H thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển tH mại và dịch vụ quốc tế Minh Ngọc (Công ty M) có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106596336 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/7/2014, trụ sở tại số 6 ngõ 1B, quận H, Hà Nội do Vũ Thị H làm Giám đốc, Đỗ Văn Th làm Phó Giám đốc, Nguyễn Thị Ng là kế toán, Dương Văn Th là bảo vệ kiêm quản lý học sinh học tiếng nước ngoài, Phạm Thị Thu H là giáo viên dạy tiếng Trung Quốc, Phạm Thị H là giáo viên dạy tiếng Hàn Quốc. Công ty đăng ký nhiều hoạt động nhiều lĩnh vực nhưng không có chức năng, không có giấy phép đưa người đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài.

Tháng 01/2015, qua mối quan hệ quen biết của Vũ Thị H và Đỗ Văn T, chị Lê Thị Thu H là trưởng phòng nghiệp vụ xuất nhập khẩu lao động kiêm đối ngoại chi nhánh Công ty V – Hà Tĩnh tại Nghệ An đã khảo sát, dự định thuê 01 phòng ở tầng 03, trụ sở Công ty M để làm văn phòng. Ngày 12/01/2015, Giám đốc chi nhánh công ty V - Hà Tĩnh tại Nghệ An đã ký Quyết định số 01/QĐ-CN về việc thành lập Văn phòng nghiệp vụ xuất khẩu lao động tại địa chỉ tầng 03, số 6 ngõ 1, Bùi Huy B, quận H, Hà Nội và Quyết định số 02/QĐ-CN về việc bổ nhiệm chị Lê Thị Thu H giữ chức vụ Trưởng phòng nghiệp vụ XKLĐ kiêm đối ngoại. Theo

yêu cầu của bị cáo H, chị H có cung cấp cho Vũ Thị H 01 bản phô tô Quyết định số 01/QĐ-CN về việc thành lập Văn phòng nghiệp vụ xuất khẩu lao động để H nộp cho cơ quan Công an ở địa pH. Sau khi khảo sát đươc 01 tuần, thấy địa điểm không hợp nên chị Hường đã báo cáo về chi nhánh công ty xin dừng hoạt động văn phòng tại địa chỉ trên.

Khoảng tháng 6, 7 năm 2015, chị Hường có trao đổi miệng với Th và H là có thông tin Hiệp hội đánh bắt cá Hàn Quốc sẽ sang Việt Nam tuyển lao động nhưng không rõ cụ thể thế nào, giữa chi nhánh Công ty V với Công ty M, H, Th không có ký kết hợp tác gì với nhau.

Khoảng tháng 11/2015, Th có bàn bạc với H về việc tìm kiếm nguồn lao động đánh bắt cá theo đơn hàng trên, H đồng ý cùng làm. Th đã liên lạc với ông Nguyễn Viết C là người chuyên môi giới xuất khẩu lao động mà Th đã quen biết từ trước. Th nói với ông C, Công ty M do Th làm phó giám đốc có liên kết với Công ty V đơn vị có chức năng xuất khẩu lao động, công ty đang có đơn hàng tuyển 100 lao động đánh bắt cá gần bờ tại Hàn Quốc, lương tháng khoảng 1.500 USD, thời hạn 03 năm, tổng chi phí làm thủ tục là 8.500 USD/người, chỉ cần đặt cọc 1.000 USD/người, trong vòng 06 đến 08 tháng là làm xong thủ tục mới phải đóng nốt số tiền còn lại, nếu ông C giới thiệu được lao động với chi phí 9.000.000 USD/lao động thì Công ty M sẽ trả công cho ông C 500 USD/lao động. Ông C đã đến Công ty M gặp Th, H nói chuyện. Để tạo lòng tin, Th, H đưa cho ông C bản phô tô Quyết định thành lập Phòng nghiệp vụ xuất khẩu lao động thuộc chi nhánh Công ty V – Hà Tĩnh tại Nghệ An, có địa chỉ cùng tại trụ sở Công ty M. Do tin tưởng lời nói của H, Th nên ông C về quê nói lại đơn hàng trên cho những người thân quen biết, sau đó có 10 người lao động đều làm nghề đánh bắt cá đã đồng ý nhờ ông C liên hệ Công ty M để làm thủ tục cho họ đi lao động tại Hàn Quốc.

Ngày 18/12/2015, ông C đã đưa 10 lao động ở Quảng Bình đến Công ty M nộp hồ sơ. H chỉ đạo nhân viên là chị Phạm Thị Thu H thu hồ sơ của lao động.

Sau đó, 10 lao động được tập trung vào một phòng học và được chị Phạm Thị Hải dạy cho một vài câu chào bằng tiếng Hàn. Để ông C và các lao động thêm tin tưởng, Th và H đã đưa 01 người đàn ông Hàn Quốc đến Công ty M gặp các lao động, giới thiệu là người của Hiệp hội đánh cá Hàn Quốc sang kiểm tra lao động. Người Hàn Quốc chỉ nhìn các lao động chứ không hỏi hay phỏng vấn gì. Sau khi người này rời khỏi công ty thì H đã yêu cầu các lao động nộp đặt cọc ngay số tiền 1000 USD để phía đối tác làm thủ tục xuất cảnh. Vào quý I năm 2016 và đề nghị các lao động ở lại học tiếng Hàn, nộp chi phí học tiếng mỗi người 6.000.000đ. Do chưa có sẵn tiền và thời điểm gần Tết Nguyên đán nên các lao động xin về đi biển kiếm tiền rồi ra Tết học. Th, H yêu cầu lao động về chuẩn bị chuyển tiền cho ông C để nộp ngay cho Th, H trong ngày 20/12/2015.

Ngày 19/12/2015, ông Nguyễn Viết C đã thu của 10 lao động mỗi người 1000USD tổng là 10.000USD như H và Th đã yêu cầu nhưng do ông C chưa tin tưởng hoàn toàn vào H, Th và Công ty M nên ông có trao đổi với H, Th là chỉ thu được của người lao động 5.000 USD (mục đích là ông C giữ hộ 10 lao động số tiền 5.000 USD) và thỏa thuận với H, Th là chỉ nộp cọc 5.000 USD thôi, H, Th đồng ý nên ông bắt xe ô tô khách đi Hà Nội để gặp H, Th. Sáng ngày 20/12/2015, tại Công ty M, ông C đã nộp cho H Th số tiền 5.000USD có sự chứng kiến của ông Dương Văn Th. Sau khi thu tiền, Th bảo H viết giấy biên nhận số tiền 5.000USD. H viết xong giấy biên nhận tiền đưa cho Th ký sau đó đưa lại cho ông C.

Ngày 23/2/2016 ông C đến Công ty M gặp Th, H để hỏi tiến độ, Th và H cho biết là ngày 24/02/2016, Hiệp hội đánh cá Hàn Quốc sẽ qua tiếp xúc với lao động đề nghị ông C cho các lao động ra học tiếng Hàn Quốc luôn. Ngày 21/3/2016 ông C cùng 8 lao động đến Công ty M, còn 02 lao động ra muộn vì lý do đi biển. Ông C đã trả lại cho 10 lao động số tiền 5000 USD, mỗi lao động 500 USD là số tiền trước đây ông C đã thu của các lao động nhưng chưa nộp hết cho H, Th. Khi 10 lao động đến Công ty M, H đã chỉ đạo Nguyễn Thị Ng là kế toán

và ông Dương Văn Th thu mỗi lao động 6.000.000đ tiền học tiếng Hàn Quốc. Chị Nga đã thu của 08 lao động được số tiền 48.000.000đ, ông Th thu của 01 lao động được 6.000.000đ và đưa các lao động đi khám sức khỏe, tổng số tiền thu của 09 lao động (thiếu anh Nguyễn Quốc C là không nộp tiền và không học tiếng) là 54.000.000đ thì Nga và ông Th đưa lại cho H. Số tiền này, H trả lương 1.000.000đ cho giáo viên dạy tiếng Hàn Quốc, trả nợ lương cho ông Th là 5.000.000đ, trả nợ lương cho chị Nga 5.000.000đ, còn 43.000.000đ H khai chi tiêu cá nhân hết.

Do trụ sở Công ty M bị đòi lại nhà vì nợ tiền thuê nhà, H liên hệ nhờ trụ sở công ty Cổ phần đầu tư phát triển HTL quốc tế (địa chỉ số 3, liền kề 21, KĐT mới quận Đ, Hà Nội) do chị Bùi Thu Hường (SN 1976, làm giám đốc) để cho 09 lao động ở Quảng Bình ở, học tiếng Hàn Quốc, giáo viên dạy tiếng Hàn Quốc do H tìm thuê trên mạng Internet. Trong thời gian các lao động học tiếng Hàn Quốc tại công ty Cổ phần đầu tư phát triển HTL quốc tế thì Th, H tiếp tục đưa 01 người Hàn Quốc khác đến giới thiệu là người của Hiệp hội đánh cá Hàn Quốc, người này cũng chỉ nhìn vào các lao động chứ không phỏng vấn các nội dung gì. Học tiếng được khoảng 1 tuần, H, Th cho các lao động nghỉ học về quê, hẹn tới tháng 4/2016 vừa học tiếp và làm visa chờ phía Hàn Quốc sang nhận lao động. Quá thời gian H, Th đã cam kết nhưng không đưa được các lao động đi Hàn Quốc. Ông C đã nhiều lần liên lạc với H, Th để đòi lại số tiền, hồ sơ cho các lao động. Ngày 25/4/2016, H, Th trả lại 10 hồ sơ cho ông C để trả cho các lao động còn số tiền 5000 USD tương đương 112.235.000đ và 54.000.000đ thì H, Th không trả. Ông C đã sử dụng tiền cá nhân để trả lại tiền đặt cọc cho 10 lao động, mỗi người 500 USD, tổng là 5000 USD và cùng các lao động viết đơn gửi cơ quan Công an tố cáo Th, H lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

H, Th thừa nhận thời điểm cuối năm 2015 Công ty M làm ăn kém hiệu quả, không có nguồn thu, nợ tiền thuê nhà, nợ tiền lương nhân viên và vay nợ nhiều người. Trong khi đó H, Th cũng cần tiền để chi tiêu, trang trải sinh hoạt

cuộc sống, khi được chị Lê Thị Thu H (trưởng phòng nghiệp vụ xuất khẩu lao động kiêm đối ngoại chi nhánh Công ty V – Hà Tĩnh tại Nghệ An) trao đổi thông tin về việc hiệp hội đánh bắt cá Hàn Quốc sẽ sang Việt Nam để tuyển lao động đi đánh bắt cá gần bờ Hàn Quốc. Mặc dù biết đơn hàng này chưa có căn cứ nhưng H, Th vẫn bàn nhau cùng làm với mục đích sau khi nhận tiền của các lao động sẽ tìm, liên hệ Công ty V hoặc đơn vị có chức năng, khả năng để làm thủ tục đưa các lao động đi đánh bắt cá ở Hàn Quốc, H, Th có tiền để chi tiêu, trang trải cuộc sống. H, Th đã cùng nhận của ông Nguyễn Viết C số tiền 5.000USD tương đương với 112.235.000đ, H là người viết giấy biên nhận, Th ký tên người nhận tiền rồi giao giấy cho ông C. H còn thu của 09 lao động số tiền 54.000.000đ là tiền học tiếng Hàn Quốc nhưng thực tế chỉ cho các lao động học được khoảng 1 tuần. Sau khi nhận tiền của ông C và các lao động thì H, Th không tìm, liên hệ được đơn vị nào có chức năng để làm thủ tục cho các lao động đi đánh bắt cá ở Hàn Quốc. Số tiền nhận của của ông C và các lao động thì H, Th sử dụng chung và chi tiêu cá nhân hết do vậy khi ông C và các lao động đòi lại tiền thì H, Th không trả lại. H và Th thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Ngày 16/5/2017 và 06/7/2017, Đỗ Văn Th và Vũ Thị H đã đến cơ quan điều tra, tự nguyện giao nộp số tiền 42.000.000đ để trả lại cho các bị hại, khắc phục một phần hậu quả do Th và H gây ra. Cơ quan điều tra đã làm thủ tục trao trả số tiền 42.000.000đ cho ông Nguyễn Viết C. Ngày 16/10/2017 Đỗ Văn Th đã vào Quảng Bình, đến gặp ông C trả lại cho ông C số tiền 3.000USD, Th nói với ông C còn số tiền 42.000.000đ Th và H đã nộp tại Cơ quan điều tra, trả lại cho ông C đủ số tiền 5.000USD. Th nhờ ông C trả lại số tiền 54.000.000đ tiền học tiếng Hàn cho 09 lao động mỗi người 6.000.000đ và gửi lời xin lỗi mọi người. Ông C đã trả lại cho 09 gia đình các lao động mỗi gia đình 6.000.000đ là số tiền các lao động đã nộp cho Th và H.

Những người bị hại đã nhận đủ tiền và ký vào đơn bãi nại, không có yêu cầu gì khác về bồi thường dân sự.

Ngày 16/9/2016, Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Hà Nội có bản Kết luận giám định số 5140/KLGĐ-PC45, kết luận: Chữ viết trên "Giấy nhận tiền" đứng tên Đỗ Văn Th đề ngày 20/12/2015 với chữ viết trên "Bản tường trình" đứng tên Vũ Thị H đề ngày 12/01/2016 là do Vũ Thị H viết ra.

Ngày 28/7/2017, Viện khoa học hình sự - Bộ Công an có bản kết Luận giám định số 3413/C54-P5, kết luận: Chữ viết trên "Giấy nhận tiền" đứng tên Đỗ Viết Th, ngày 20/12/2015 là chữ ký của Đỗ Văn Th.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 84/2018/HSST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội đã xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn Th và Vũ Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th 48 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 29/11/2017.

- Xử phạt bị cáo Vũ Thị H 42 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 2/11/2017 đến ngày 29/11/2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/4/2018, bị cáo Đỗ Văn Th và Vũ Thị H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ lời khai của các bị cáo; lời khai của người bị hại; lời khai của những người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự từng bị cáo, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th 48 tháng tù, bị cáo Vũ Thị H 42 tháng tù là có phần nghiêm khắc bởi các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 166.235.000 đồng cho các bị hại; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Đỗ Văn Th có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huân cH kháng chiến hạng Ba; bị cáo Vũ Thị H có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huân cH. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo thấy: Đối với bị cáo Th có vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H phạm tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của bị cáo, xét thấy không thể cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội như yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Đối với bị cáo H tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức; là người bị rủ rê lôi kéo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo H có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, điểm e (đối với bị cáo H) khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Thị H, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đỗ Văn Th, sửa bản

án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Th mức án từ 39 tháng tù đến 42 tháng tù; bị cáo Vũ Thị H mức án 36 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo H cho chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo trình bày: Về tội danh và điều luật áp dụng nhất trí với bản án sơ thẩm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo một số tình tiết sau đây để giảm nhẹ hình phạt và khoan hồng cho các bị cáo: Thực tế trong số tiền các bị cáo chiếm đoạt của các bị hại, các bị cáo đã chi phí hết 62.000.000 đồng để dịch thuật hồ sơ lý lịch tư pháp cho các bị hại; chi phí cho việc học tiếng và một số các bị hại đã sử dụng hồ sơ do các bị cáo dịch thuật để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã khắc phục bồi thường toàn bộ cho các bị hại; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; bị cáo Th trình độ lạc hậu (học lớp 2); các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Từ phân tích trên, đối với bị cáo Th đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm b, h, s, m khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án 24 đến 30 tháng tù; đối với bị cáo H áp dụng các tình tiết qui định tại các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức án 24 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của các bị cáo; lời khai của người bị hại; lời khai của những người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Công ty TNHH Phát triển TH mại và Dịch vụ Quốc tế M do Vũ Thị H làm giám đốc và Đỗ Văn Th làm phó giám đốc không có chức năng, không có giấy phép đưa người đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài nhưng đã đưa thông tin về đơn hàng và việc liên kết với Công ty V không có sự thật để nhận hồ sơ, tiền từ ông Nguyễn Việt C - Người chuyên môi giới xuất khẩu lao động với tổng số tiền 166.235.000 đồng và cam kết lo thủ tục cho 10 người lao động của tỉnh Quảng Bình đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc; Sau đó không làm thủ tục gì khác nhưng vẫn tổ chức lớp học để thu số tiền 166.235.000 đồng sử dụng vào mục đích cá nhân. Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của các bị cáo thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây tâm lý lo lắng bất bình cho những người dân có nhu cầu đi xuất khẩu lao động. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, biết rõ bản thân không có chức năng, không có giấy phép đưa người đi lao động xuất khẩu ở nước ngoài nhưng đã đưa thông tin gian dối về đơn hàng và đơn vị tuyển dụng để nhận tiền của người lao động rồi sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân. Tuy nhiên, sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thực sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo lần đầu phạm tội, tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền 166.235.000 đồng cho các bị hại; các bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Đỗ Văn Th có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo Vũ Thị H có bố mẹ đẻ là người có công với cách mạng, được nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì, hạng Ba. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình

sự, xét thấy khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th 48 tháng tù, bị cáo Vũ Thị H 42 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Tại cấp phúc thẩm, bị hại ông Nguyễn Viết C có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với lý do, trong số tiền chiếm đoạt, một phần các bị cáo đã chi phí để dịch thuật, học tiếng; một số bị hại đã sử dụng hồ sơ do các bị cáo dịch thuật để làm thủ tục đi xuất khẩu lao động; bị cáo H xuất trình đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương, theo đó bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi 3 con nhỏ, bản thân là lao động chính trong gia đình. Do đó, có căn cứ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, thấy: Đối với bị cáo Th có vai trò chính trong vụ án, là người khởi xướng, rủ rê bị cáo H phạm tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội và vai trò của bị cáo, xét thấy không thể cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội như yêu cầu kháng cáo của bị cáo. Đối với bị cáo H tham gia với vài trò đồng phạm giúp sức; là người bị rủ rê lôi kéo; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã cùng bị cáo Th khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị cáo có nơi thường trú, cụ thể rõ ràng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy bị cáo H có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa.

[3].Về án phí: Theo qui định của pháp luật, các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, điểm e (Đối với bị cáo Vũ Thị H) khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Sửa bản án sơ thẩm, xử:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 65 (đối với bị cáo H) Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th 30 (ba mươi) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 30/10/2017 đến ngày 29/11/2017.

- Xử phạt bị cáo Vũ Thị H 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Vũ Thị H cho Ủy ban nhân dân phường M, quận HB, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Vũ Thị H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường M, quận HB trong việc giám sát, giáo dục bị cáo H.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Đỗ Văn Th, Vũ Thị H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 09/7/2018.

Nơi nhận:

- *VKS nhân dân thành phố Hà Nội*
- *VKSND quận H*
- *Công an quận H, HN*
- *TAND quận H, HN*
- *Chi cục THADS quận H, HN*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Lưu HSVA; VP;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Văn Quang